TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2023/DS-ST
Ngày 01-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Bà Nguyễn Kim Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 642/2022/TLST-DS ngày 14/12/2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2023/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1.Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1993 (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thúy T, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Trương Thị B, sinh năm 1979 (vắng mặt)

4. Ông Huỳnh Minh Tr, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp C1, xã K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2022 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa ông Nguyễn Việt S trình bày:

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, ông Nguyễn Chí C có vay của ông số tiền 141.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,66 %/tháng, khi vay ông C có ký biên nhận nợ ngày 29/12/2021, thỏa thuận thời gian thanh toán là ngày 29/01/2022.

Ngày 08/01/2022 bà Trương Thị B và bà Huỳnh Thúy T có vay của ông số tiền 18.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng, khi vay bà B và bà T có ký biên nhận nợ ngày 08/01/2022, thỏa thuận thời gian thanh toán nợ là ngày 08/02/2022. Bà Trương Thị B và bà Huỳnh Thúy T đồng ý bảo lãnh nợ cho ông C số tiền 141.000.000 đồng và ký giấy cam kết bảo lãnh nợ ngày 08/01/2022. Quá trình vay, bà B có trả 2.700.000 đồng vào các ngày 10/02/2022, 11/3/2022 và ngày 14/4/2022 còn nợ lại tổng số tiền là 156.300.000 đồng. Từ khi vay đến nay ông yêu cầu nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không trả số nợ trên. Do ông Huỳnh Minh Tr và bà Trương Thị B là vợ chồng, ông Nguyễn Chí C và bà Huỳnh Thúy T là vợ chồng nên các đương sự phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông. Vì vậy, ông yêu cầu ông Nguyễn Chí C, bà Huỳnh Thúy T, bà Trương Thị B và ông Huỳnh Minh Tr trả cho ông số tiền là 156.300.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 08/4/2022 đến ngày giải quyết xong vụ án.

Ông Nguyễn Chí C, bà Huỳnh Thúy T, bà Trương Thị B và ông Huỳnh Minh Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai, chứng cứ cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Nguyễn Chí C, bà Huỳnh Thúy T, bà Trương Thị B và ông Huỳnh Minh Tr yêu cầu trả tiền nợ vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Chí C, bà Huỳnh Thúy T, bà Trương Thị B và ông Huỳnh Minh Tr cư trú tại ấp C1 và ấp C xã K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Chí C, bà Huỳnh Thúy T, bà Trương Thị B và ông Huỳnh Minh Tr được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ông Nguyễn Việt S yêu cầu ông Nguyễn Chí C, bà Huỳnh Thúy T, bà Trương Thị B và ông Huỳnh Minh Tr trả cho ông số tiền là 156.300.000 đồng và lãi suất theo quy định kể từ ngày 08/4/2022 đến ngày giải quyết xong vụ án. Bị đơn đã được triệu tập nhiều lần tham gia tố tụng trong vụ án nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Nguyễn Việt S có cung cấp 01 biên nhận nợ ngày 29/12/2021 có ông Nguyễn Chí C ký nhận vay số tiền 141.000.000 đồng, 01 biên nhận nợ ngày 08/01/2022 có bà Trương Thị B và bà Huỳnh Thúy T ký nhận số tiền 18.000.000 đồng và 01 giấy cam kết bảo lãnh nợ ngày 08/01/2022 do bà Trương Thị B và bà Huỳnh Thúy T ký, nội dung bà B đồng ý nhận bảo lãnh trả số tiền nợ 141.000.000 đồng của ông Huỳnh Chí C nếu ông C không trả nợ cho ông S vào ngày 08/4/2022 và 18.000.000 đồng do bà T và bà vay, tổng cộng là 159.000.000 đồng, đã trả 2.700.000 đồng còn nợ lại 156.300.000 đồng. Như vậy đủ căn cứ chứng minh việc bà T, bà B, ông C có vay tiền ông S và bà B bảo lãnh nợ cho ông C đúng như ông S trình bày. Ông C, bà T và bà B đã vi phạm thời gian trả nợ theo thỏa thuận, nên nay ông S yêu cầu bà T, bà B và ông C phải trả số nợ còn nợ là 156.300.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận 1,66%/tháng là có căn cứ chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực"*.

Như vậy, mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận là 1,66%/tháng (20%/năm) là phù hợp nên được chấp nhận. Thời gian bị đơn vi phạm nghĩa vụ là từ ngày 08/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/8/2023 là 15 tháng 08 ngày là: (156.300.000 x 1,66% x 15 tháng) + (156.300.000 x 0,055% x 08 ngày) = 39.606.000 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 195.906.000 đồng.

[4] Ông Huỳnh Minh Tr và bà Trương Thị B hiện là vợ chồng, ông Nguyễn Chí C và bà Huỳnh Thúy T là vợ chồng, vay nợ trong thời kỳ hôn nhân, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các đương sự liên đới nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Nguyễn Việt S được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 335, 342, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc ông ông Nguyễn Chí C, bà Huỳnh Thúy T, bà Trương Thị B và ông Huỳnh Minh Tr liên đới nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền vốn vay và lãi là 195.906.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Chí C, bà Huỳnh Thúy T, bà Trương Thị B và ông Huỳnh Minh Tr phải chịu 9.795.000 đồng. Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 3.858.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018459 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nay hoàn trả toàn bộ cho ông Nguyễn Việt S 3.858.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CCTHADS huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Vẹn